CÔNG TY TNHH LEWU TECH

Số: 10/2026/BCCLDVVT-LWT
V/v Báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ viễn thông.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 10 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Tên dịch vụ: CÔNG TY TNHH LEWU TECH
Tháng/6 tháng/1 năm
Kính gửi: Cục Viễn thông

1. Doanh nghiệp	
Tên doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	CÔNG TY TNHH LEWU TECH
Địa chỉ	118/127A/28 Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	028 22 202 202
2. Đơn vị đầu mối về quản lý chất lượng của doanh nghiệp	
Tên đơn vị	BỘ PHẬN KỸ THUẬT
Địa chỉ	118/127A/28 Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	0981563979

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu chữ ký số)

CÔNG TY TNHH LEWU TECH

Digitally signed by CÔNG TY TNHH LEWU TECH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY TNHH LEWU TECH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0315566166, E=SALEADMIN2@LEWUTECH.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.10 09:28:02+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.2.0

BẢN CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET BĂNG RỘNG CỐ ĐỊNH MẶT ĐẤT SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ …...
Tháng/6 tháng/1 năm

Hướng dẫn:
- Chỉ nhập cột số liệu, bao gồm số nguyên hoặc số thập phân, các cột khác giữ nguyên không được chỉnh sửa hoặc xóa
- Nhập đúng định dạng fomart của excel sẵn có: dấu phẩy để ngăn cách phần nghìn, dấu chấm ngăn cách phần thập phân, tối đa 2 chữ số sau dấu chấm phần thập phân

Ghi chú:
- (*) Tên công nghệ sử dụng là một trong 02 công nghệ: FTTH/xPON, Modem cáp truyền hình,
- Định nghĩa và phương pháp xác định các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ để lập báo cáo phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 34:2022/BTTTT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.
- Đối với Dịch vụ trợ giúp khách hàng, Tốc độ tải xuống trung bình, Tốc độ tải lên trung bình: doanh nghiệp thực hiện báo cáo hàng tháng và báo cáo 6 tháng, 1 năm; sử dụng phương pháp giám sát bằng tính năng sẵn có của mạng để xác định số liệu.
- Đối với Khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ, Hồi âm khiếu nại của khách hàng: doanh nghiệp thực hiện báo cáo số liệu thống kê 6 tháng, 1 năm.

I. Số liệu báo cáo tổng hợp

Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ viễn thông	2
Tổng số khách hàng (thuê bao) tính đến hết quý báo cáo	9

II. Số liệu báo cáo chi tiết

STT	Tên Tỉnh/ thành phố	Tên chỉ tiêu											
		Tốc độ tải xuống trung bình (Mbps)	Tốc độ tải lên trung bình (Mbps)	Độ khả dụng của dịch vụ (%)	Thời gian khắc phục mất kết nối (%)		Thời gian thiết lập dịch vụ (%)			Khiếu nại của khách hàng về chất lượng dịch vụ	Hồi âm khiếu nại của khách hàng (%)	Dịch vụ trợ giúp khách hàng	
					Nội thành, thị xã	Thị trấn, xã	Có sẵn đường dây thuê bao	Chưa có đường dây thuê bao				Thời gian cung cấp dịch vụ trợ giúp khách hàng bằng nhân công qua điện thoại	Tỷ lệ (%) cuộc gọi tới dịch vụ trợ giúp khách hàng chiếm mạch thành công, gửi yêu cầu kết nối đến điện thoại viên và nhận được tín hiệu trả lời của điện thoại viên trong vòng 60 giây
								Nội thành, thị xã	Thị trấn, xã				
1	Thành phố Hà Nội	48.53	61.33	99.95%	95.00%							24/7	100.00%
28	Thành phố Hồ Chí Minh	113.25	143.10	99.97%	98.00%							24/7	100.00%
35	**Trên toàn mạng**	**161.78**	**204.43**	99.96%	96.50%							24/7	100.00%

TT	Tên chỉ tiêu / Hướng kết nối	Mức chiếm dụng băng thông trung bình	
		Hướng đi	Hướng về
I	**Hướng kết nối từ <Doanh nghiệp> đến các ISP khác**		
1	LEWUTECH - VIETTEL	77.25%	38.07%
II	**Hướng kết nối từ <Doanh nghiệp> đến trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX)**		
	<Doanh nghiệp> - VNIX		
III	**Hướng kết nối từ <Doanh nghiệp> đến Internet quốc tế**		
1	LEWUTECH - VIETTEL	34.17%	87.69%